TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 79/2023/DS - PT
Ngày 07 tháng 12 năm 2023
V/v Tranh chấp nợ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghĩa
Các Thẩm phán: Bà Từ Thị Hải Dương
Ông Nguyễn Thái Sơn

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuận – Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sáng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 76/2023/TLPT- DS ngày 26 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp nợ. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2022/DS – ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4561/2023/QĐ – PT ngày 08 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Lưu Đức H, sinh năm 1973

Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông H: Ông Hồ Lý H – Luật sư, Văn phòng luật sư Hồ Lý H, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Bình; có mặt;

- *Bị đơn:* Ông Bùi Quang Th, sinh năm 1977

Địa chỉ: Tổ dân phố Ph, thị trấn nông trường V, huyện B, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

Người kháng cáo: Ông Bùi Quang Th, sinh năm 1977 (là bị đơn trong vụ án); có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung Bản án sơ thẩm số 20/2022/DS – ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, thì nội dung vụ án được tóm tắt như

sau: Ông Bùi Quang Th (viết tắt là bị đơn) biết ông Lưu Đức H (viết tắt là nguyên đơn) là người môi giới đất đai, sau khi được nguyên đơn giới thiệu bị đơn đã nhất trí nhận chuyển nhượng thửa đất số 796, tờ bản đồ số 14 xã L, huyện B, tỉnh Quảng Bình của bà Lê Thị Ánh T với số tiền 730.000.000 đồng. Ngày 26/3/2021 tại Văn phòng Công chứng H, thành phố Đ bị đơn trực tiếp lập hợp đồng nhận chuyển nhượng thửa đất với bà Lê Thị Ánh T, quá trình thanh toán bị đơn đã thanh toán được 500.000.000 đồng, còn thiếu 230.000.000 đồng nên bị đơn đã viết giấy mượn nguyên đơn 230.000.000 đồng và cam kết đến ngày 16/4/2021 sẻ trả hết nợ được nguên đơn đồng ý cho mượn, nhưng sau đó bị đơn trả được 50.000.000 đồng, số tiền nợ còn lại 180.000.000 đồng bị đơn chưa trả cho nguyên đơn nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ gốc và lãi chậm trả nợ theo quy định. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án bị đơn không tham gia tố tụng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2022/DS – ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch đã quyết định: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Đức H, buộc ông Bùi Quang Th trả cho ông Lưu Đức H tính đến ngày 30/9/2022 là 211.541.918 đồng (*hai trăm mười một triệu năm trăm bốn mươi mốt nghìn chín trăm mười tám đồng*), trong đó nợ gốc 180.000.000 đồng (*Một trăm tám mươi triệu đồng*); nợ lãi 31.541.918 đồng (*ba mươi mốt triệu năm trăm bốn mươi mốt nghìn chín trăm mười tám đồng)*.

Ngoài ra bản án còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí vụ kiện và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023 Toà án nhân dân huyện Bố Trạch nhận được đơn kháng cáo quá hạn của bị đơn với nội dung: Không chấp nhận việc khởi kiện của nguyên đơn. Tại Quyết định số 11/2023/QĐ – PT ngày 10/10/2023 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã chấp nhận Đơn kháng cáo quá hạn của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn giữ nguyên đơn kháng cáo không chấp nhận việc khởi kiện của nguyên đơn, nguyên đơn giữ nguyên đơn khởi kiện và yêu cầu tính lãi suất quá hạn 12%/năm từ ngày 16/4/2021 cho đến ngày xét xử phúc thẩm, trên số nợ gốc 180.000.000 đồng. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu quan điểm: Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm các đương sự và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn và buộc bị đơn trả cho nguyên đơn 180.000.000 đồng tiền nợ gốc, về nợ lãi do nguyên đơn và bị đơn cùng có lỗi nên buộc bị đơn phải trả 15.770.954 đồng tiền lãi (50% số tiền lãi); bị đơn kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Sau khi xem xét nội dung kháng cáo, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; kết quả tranh luận, ý kiến của kiểm sát viên, nguyên đơn, bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngày 30 tháng 9 năm 2022 Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch xét xử và ban hành Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2022/DS – ST. Ngày 22 tháng 9 năm 2023 Toà án nhân dân huyện Bố Trạch nhận được đơn kháng cáo quá hạn của bị đơn; tại Quyết định số 11/2023/QĐ – PT ngày 10/10/2023 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình thấy quá trình Toà án cấp sơ thẩm giải quyết và xét xử vụ án nhưng bị đơn không tham gia tố tụng và không nhận được bản án, văn bản tố tụng theo quy định, quá trình giải quyết vụ án Toà án cấp sơ thẩm thực hiện việc tống đạt không đúng quy đinh và không thực hiện việc niêm yết văn bản tố tụng nên đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, do đó đã chấp nhận Đơn kháng cáo quá hạn của bị đơn; bị đơn đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định tại Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên chấp nhận đơn kháng cáo quá hạn của bị đơn để xét xử phúc thẩm.

[2] Tại phiên toà phúc thẩm nguyên đơn, bị đơn thừa nhận ngày 26/3/2021 tại Văn phòng Công chứng H thành phố Đ bị đơn đã kết hợp đồng với bà Lê Thị Ánh T để nhận chuyển nhượng thửa đất số 796, tờ bản đồ số 14 xã L, huyện B, tỉnh Quảng Bình với giá nhận chuyển nhượng là 730.000.000 đồng; thông qua nguyên đơn, bị đơn đã thanh toán tiền nhận chuyển nhượng thửa đất cho bà T 500.000.000 đồng, còn thiếu 230.000.000 đồng nên nguyên đơn cho bị đơn mượn để thanh toán, bị đơn đã viết giấy nợ nguyên đơn 230.000.000 đồng và cam kết đến ngày 16/4/2021 sẻ thanh toán toàn bộ số nợ cho nguyên đơn, nhưng sau đó bị đơn trả được 50.000.000 đồng, còn nợ nguyên đơn 180.000.000 đồng đến nay chưa trả (bút lục số 03 và 78).

[3] Như vậy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn; Toà án cấp sơ thẩm buộc bị đơn trả cho nguyên đơn 180.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi phát sinh sau khi vi phạm thời hạn trả nợ là có căn cứ.

[4] Tuy nhiên, như phân tích tại mục [2] thì bị đơn trực tiếp ký kết hợp đồng nhận chuyển nhượng thửa đất số 796, tờ bản đồ số 14 xã L, huyện B, tỉnh Quảng Bình với bà Lê Thị Ánh T (bà T là người quản lý, sử dụng thửa đất đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp GCNQSDĐ số CY 134910 ngày 19/11/2020), nguyên đơn trong vụ án là người môi giới việc chuyển nhượng thửa đất, là người cho bị đơn mượn tiền để hoàn thành hợp đồng với bà T nhưng Toà án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết vụ án và xác định vụ việc tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn và bị đơn là không đúng quy định; tuy nhiên do không ảnh hưởng nghiêm trọng đến nội dung vụ án nên không cần thiết phải huỷ bản án sơ thẩm, nên Toà án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[5] Tại phiên toà phúc thẩm bị đơn thừa nhận chử ký và chữ viết Bùi Quang Th phía dưới giấy cam kết trả nợ lập ngày 26/3/2021 là đúng chữ viết, chữ ký của mình và không bị nguyên đơn ép buộc, bị đơn cũng thừa nhận hiện còn nợ nguyên đơn 180.000.000 đồng tiền gốc nên chấp nhận trả cho nguyên đơn số nợ này, riêng tiền lãi theo bị đơn tại giấy cam kết trả nợ lập ngày 26/3/2021 không đề cập đến tiền lãi chậm trả nên bị đơn không chấp nhận trả tiền lãi cho nguyên đơn, nhưng nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi chậm trả theo quy định của pháp luật.

[6] Kiểm sát viên tham gia phiên toà đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn trả cho nguyên đơn 15.770.954 đồng tiền lãi (50% số tiền lãi) của bản án sơ thẩm, do nguyên đơn cũng có lỗi trong việc giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bị đơn và sửa lại quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp nợ. Việc Kiểm sát viên đề xuất xác định lại quan hệ tranh chấp trong vụ án này là có căn cứ cần chấp nhận, riêng việc xác định nguyên đơn có lỗi để buộc bị đơn chịu 50% tiền lãi là không có căn cứ; vì chính bị đơn là người vi phạm nghĩa vụ trả nợ và tự ý bỏ đi khỏi địa phương không thực hiện trả nợ cho nguyên đơn nên đề nghị này không được chấp nhận.

[7] Tại Phiên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi suất chậm trả 12%/năm đối với 180.000.000 đồng từ ngày 16/4/2021 cho đến ngày xét xử phúc thẩm 07/12/2023, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi 12%/năm là không có căn cứ để chấp nhận.

[8] Bởi lẽ, theo quy định tại khoản 4 Điều 465 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất được xác định 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, tức không quá 20%/năm.

[9] Mặt khác, tại khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì Hợp đồng vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì theo yêu cầu của bên cho vay, Toà án xác định bên vay phải trả tiền lãi trên nợ gốc quá hạn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[10] Như vậy, tiền lãi chậm trả bị đơn phải trả cho nguyên đơn là: 180.000.000 đồng x 10%/năm x 963 ngày (từ ngày 17/4/2021 đến ngày 07/12/2023) = 47.490.000 đồng.

[11] Từ các phân tích trên cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn 227.490.000 đồng (*Hai trăm hai mươi bảy triệu, bốn trăm chin mươi ngàn đồng*), trong đó nợ gốc 180.000.000 đồng, nợ lãi 47.490.000 đồng.

[12] Bị đơn kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm và 11.375.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn khởi kiện được chấp nhận nên không phải chịu án dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 272, Điều 273, khoản 2 Điều 308 và khoản 1 Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án, xử:

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Bùi Quang Th về việc yêu cầu huỷ Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2022/DS – ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

2. Buộc ông Bùi Quang Th phải trả lại cho ông Lưu Đức H 227.490.000 đồng (*Hai trăm hai mươi bảy triệu, bốn trăm chín mươi ngàn đồng*), trong đó nợ gốc 180.000.000 đồng, nợ lãi 47.490.000 đồng.

3. Ông Bùi Quang Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm và 11.375.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0002856 ngày 19/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch; ông Thìn còn phải nộp 11.375.000 đồng (*Mười một triệu, ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Ông Lưu Đức H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm được nhận lại số tiền 5.058.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0003155 ngày 16/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch;

5. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 07/12/2023.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Đà Nẵng;;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND huyện Bố Trạch;
- CCTHADS huyện Bố Trạch;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Nghĩa